

Thứ sáu, ngày 27 tháng 12 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tăng điểm phút cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 30/12/2019		•	
Tuần 30/12-3/1/2020		•	
Tháng 1/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phần lớn thời gian phiên sáng và phiên chiều, VN-Index chủ yếu vận động dưới mốc tham chiếu khi áp lực giảm giá đến từ các mã bluechips như VIC, VCB, VHM, MSN, CTG. Tuy nhiên, vào những phút cuối phiên, đà tăng mạnh của BID, VCB đã giúp cho chỉ số lấy lại được sắc xanh và mốc 960 điểm. Thanh khoản thị trường xuống rất thấp mặc dù khối ngoại đã quay trở lại mua ròng. Các thông tin vĩ mô tích cực về mức tăng trưởng GDP và tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng vẫn chưa thể nâng đỡ tâm lý của nhà đầu tư.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 895 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/12/2019, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.

Danh mục i-Invest: Theme_ Ngân hàng_0.5%. 17/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**, con số này của VNINDEX là 0.5%.

Phân tích kỹ thuật: POW_Thùng đáy (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **HPG, PNJ, KDH, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **+4.92 điểm**, đóng cửa 963.51. HNX-Index **+0.28 điểm**, đóng cửa 102.60.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+2.44); VCB (+1.20); VNM (+0.62); HPG (+0.45); GAS (+0.45)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-0.53); POW (-0.33); ROS (-0.23); VIC (-0.19); LGC (-0.15)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **1,901 tỷ đồng**, **-20%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 9.32 điểm. Thị trường có 162 mã tăng, 53 mã tham chiếu và 165 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **39.82 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HPG (26.31 tỷ), VRE (14.62 tỷ) và MSN (7.47 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **2.32 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

963.51

Giá trị: 1901.47 tỷ

4.92 (0.51%)

Khối ngoại (ròng): 39.82 tỷ

HNX-INDEX

102.60

Giá trị: 199.86 tỷ

0.27 (0.26%)

Khối ngoại (ròng): -2.32 tỷ

UPCOM-INDEX

55.81

Giá trị: 157.72 tỷ

0.15 (0.27%)

Khối ngoại(ròng): 7.04 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	61.9	0.42%
Giá vàng	1,510	-0.09%
Tỷ giá USD/VND	23,173	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,720	0.07%
Tỷ giá JPY/VND	21,168	0.15%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	4.98%
LS TPCP 5 năm	2.0%	0.86%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	26.3	HDB	17.9
VRE	14.6	VIC	16.8
MSN	7.5	VCB	10.7
TCH	5.5	VPI	8.2
GEG	5.1	POW	7.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Câu chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **17/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**, con số này của VNINDEX là 0.5%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **18/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **6/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân hàng_0.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Ngân hàng	0.9%	2.0%	2.1%	-0.2%	16.0%	17.7%	95.0%	22.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.7%	1.1%	0.3%	-3.6%	5.3%	6.6%	45.8%	19.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.6%	1.6%	-0.1%	-4.7%	6.6%	15.5%	86.3%	16.0%
FTSE Việt Nam	0.6%	0.4%	-1.5%	-3.1%	1.4%	9.6%	86.3%	14.8%
Dầu khí	0.5%	-0.3%	-4.3%	-7.9%	-9.5%	3.3%	19.5%	23.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.5%	-0.5%	-3.9%	-8.6%	-11.7%	-10.9%	45.5%	21.2%
Lãi suất giảm	0.5%	-0.3%	-2.0%	-8.0%	-8.3%	-0.5%	50.8%	17.8%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.4%	1.3%	1.4%	-2.4%	13.9%	29.5%	127.2%	18.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.4%	0.6%	-2.5%	-4.4%	-0.6%	7.1%	79.3%	13.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.4%	1.7%	1.1%	-5.3%	9.7%	15.1%	78.1%	17.2%
Xây dựng	0.3%	-1.2%	-2.8%	-17.5%	-14.7%	-13.6%	21.0%	18.0%
BDS & Khu công nghiệp	0.3%	1.7%	-0.3%	-3.8%	0.5%	4.8%	59.5%	16.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.2%	0.0%	-1.4%	-8.6%	-0.5%	4.7%	57.5%	14.4%
Hàng tiêu dùng	0.2%	0.7%	-3.6%	-10.8%	-3.4%	2.1%	56.8%	17.3%
Nước & Năng lượng	0.2%	-0.8%	-2.4%	-7.2%	-7.2%	8.1%	48.4%	14.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.2%	0.3%	0.6%	0.9%	-3.4%	18.9%	52.6%	14.5%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.0%	-1.7%	-3.9%	-9.8%	-8.4%	-6.7%	-6.2%	17.2%
Vật liệu Xây dựng	-0.1%	0.0%	-0.9%	-1.7%	1.7%	7.3%	7.1%	18.6%
Chiến tranh thương mại	-0.1%	-1.7%	-4.4%	-8.3%	-11.1%	1.9%	11.8%	15.4%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 1	1.0%	2.2%	1.4%	-0.3%	9.9%	13.4%	101.4%	15.8%
Danh mục 13	0.8%	1.9%	2.5%	-5.1%	3.5%	7.4%	45.0%	16.1%
Danh mục 10	0.8%	1.2%	3.2%	-5.6%	0.5%	5.9%	53.0%	16.6%
Danh mục 16	0.1%	0.4%	-1.0%	-6.0%	7.1%	14.7%	65.3%	16.7%
Danh mục 17	0.0%	-1.1%	-5.5%	-10.8%	-3.5%	16.5%	134.2%	18.9%
* Note	18/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 19	0.5%	1.1%	0.3%	-2.3%	9.5%	21.9%	67.1%	15.4%
Danh mục 21	0.5%	1.1%	-0.2%	-5.3%	7.2%	17.1%	65.6%	15.7%
Danh mục 23	0.4%	-0.4%	-4.0%	-8.0%	-4.9%	19.3%	93.0%	18.8%
Danh mục 20	0.2%	1.1%	0.2%	-2.7%	8.6%	15.8%	64.0%	16.7%
Danh mục 24	0.0%	0.5%	-0.6%	-6.8%	3.4%	25.6%	95.8%	20.1%
* Note	6/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan							

INDEX								
VNINDEX	0.5%	0.7%	-0.7%	-3.6%	0.3%	6.0%	42.7%	15.5%
VN30INDEX	0.5%	0.9%	-1.1%	-5.4%	0.8%	0.3%	41.1%	15.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

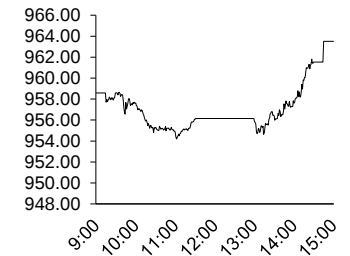
<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

12/27/2019
Vietnam Daily Review

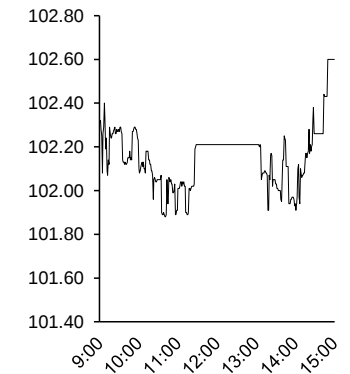
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	1.6%
Ngân hàng	1.5%
Bảo hiểm	1.0%
Ô tô và phụ tùng	0.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.7%
Dầu khí	0.7%
Dịch vụ tài chính	0.3%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.2%
Công nghệ Thông tin	0.2%
Bất động sản	0.2%
Bán lẻ	0.2%
Du lịch và Giải trí	0.0%
Thực phẩm và đồ uống	-0.1%
Hóa chất	-0.1%
Truyền thông	-0.2%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.2%
Y tế	-0.6%
Viễn thông	-0.7%
Xây dựng và Vật liệu	-1.0%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

POW_Thùng đáy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Death Cross.
- Chỉ báo RSI: Giảm dần và tiếp cận vùng quá bán.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: POW vẫn đang trong xu hướng giảm trong hơn một tháng nay sau khi tạo mô hình hai đỉnh tại vùng giá 13.8. Thanh khoản cổ phiếu vẫn duy trì giá trị ổn định nhưng áp lực bán trong phiên hôm nay đã đẩy giá POW xuyên thủng ngưỡng đáy 12.2. Hầu hết các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang trong trạng thái tiêu cực. Đáng chú ý, hôm nay chỉ báo MACD đã xuất hiện Death Cross cho thấy đã giảm sẽ còn được duy trì trong thời gian tới. Ngưỡng hỗ trợ kế tiếp của cổ phiếu nằm tại mốc 11. Nếu áp lực bán tiếp tục đẩy POW xuyên thủng mức giá này thì tiềm năng trở về mệnh giá 10 trong tương lai là hoàn toàn có thể.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Catalyst

Sản lượng điện tiêu thụ hàng năm tăng trưởng đều đặn trên 10%, đặc biệt là khu vực miền Nam. POW đã chuyển sang giao dịch trên sàn HOSE vào những ngày đầu tháng 1 năm 2019. Chúng tôi kỳ vọng với vốn hóa lớn của POW (top 20 về vốn hóa trên sàn HOSE), thanh khoản tương đối cao (trung bình khoảng 2 triệu/phiên), cổ phiếu sẽ gia nhập vào nhóm VN30 trong khoảng đầu năm 2020.

Rủi ro Đầu tư

Rủi ro nguồn nguyên liệu: Giá các nguồn nguyên liệu chính cho các nhà máy của POW là khí và than đều tăng trong khi nguồn cung trong nước đang thiếu hụt gây trở ngại cho khả năng hoạt động và cạnh tranh trên thị trường bán điện.

Cập nhật KQKD

Sản lượng điện toàn PVPOW đạt 21.03 tỷ kWh (+2% yoy), doanh thu cả năm ước đạt 33,363 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 2,315 tỷ đồng (-12% yoy) tương ứng với mức EPS= 989 đồng/cổ phiếu.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: POW 2019Q1

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

HPG_Tăng giá

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 25/12/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 26/12	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	61.49	0.65%	0.53%	5.99%	37.96%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	66.07	-0.13%	0.26%	4.35%	27.91%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.70	-2.19%	3.09%	5.18%	35.10%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1511.75	0.77%	2.23%	3.74%	18.56%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.89	0.74%	4.67%	5.32%	17.63%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	947.32	-0.04%	2.60%	7.22%	9.07%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	549.61	1.53%	0.77%	4.68%	8.00%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.33	-0.16%	-0.16%	-5.06%	39.67%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	174.80	0.23%	0.75%	1.63%	0.69%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.43	0.45%	-0.81%	5.08%	9.71%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.50	0.00%	0.00%	-23.78%	-19.35%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	127.50	-1.47%	0.08%	8.53%	25.11%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.85	1.05%	1.16%	6.62%	6.97%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3734.00	1.06%	1.25%	-4.04%	-3.91%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1814.00	0.55%	2.83%	4.49%	-2.03%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	91.50	0.00%	-0.54%	4.57%	27.97%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	68.65	0.00%	0.39%	-4.45%	-32.52%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu thô Brent tăng 72 US cent tương đương 1.07% lên 67.92 USD/thùng. Giá dầu WTI tăng 57 US cent tương đương 0.93% lên 61.68 USD/thùng.
- Giá dầu tăng khoảng 1% lên cao nhất trong hơn 3 tháng, được thúc đẩy bởi kỳ vọng cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung sẽ sớm kết thúc và tồn trữ dầu thô của Mỹ thấp hơn so với dự kiến trước đó.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.8% lên 1,511.13 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 02/2020 trên sàn New York tăng 0.7% lên 1,514.4 USD/ounce.
- Giá vàng tăng cao nhất gần 2 tháng, vượt ngưỡng 1,500 USD/ounce do hoạt động thúc đẩy mua vào. Tính từ đầu năm đến nay, giá vàng tăng khoảng 18% và có năm tăng mạnh nhất kể từ năm 2010, chủ yếu do tranh chấp thương mại Mỹ - Trung kéo dài và tác động đối với nền kinh tế toàn cầu.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Đại Liên giảm 0.3% xuống 639.5 CNY (91.39 USD)/tấn. Đồng thời, trên sàn Thượng Hải, giá thép cây kỳ hạn tháng 5/2020 tăng 0.7%. Giá thép cuộn cán nóng tăng 0.4%. Giá quặng sắt tại Trung Quốc giảm do hoạt động giao dịch trầm lắng trước ngày nghỉ Tết năm mới, trong khi giá thép tăng. Nhu cầu quặng sắt suy yếu cùng với cảnh báo ô nhiễm nặng tại một số trung tâm sản xuất thép Trung Quốc, khiến các nhà máy thép hạn chế hoạt động sản xuất gây áp lực giá.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn TOCOM giảm 2 JPY (0.0183 USD) xuống 198 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020, trên sàn Thượng Hải, giảm 15 CNY (2.14 USD) xuống 12,810 CNY/tấn. Giá cao su tại Tokyo giảm theo xu hướng giá cao su kỳ hạn tại Thượng Hải.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE tăng 0.07 US cent tương đương 0.5% lên 13.44 US cent/lb, do giá dầu tăng cao có thể khuyến khích các nhà máy mía đường tại nước sản xuất hàng đầu – Brazil – sẽ sản xuất nhiều ethanol hơn đường.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 2.1 US cent tương đương 1.6% xuống 1.273 USD/lb. Thị trường cà phê châu Á giao dịch trầm lắng do các thương nhân đứng ngoài thị trường và những người nông dân lưỡng lự bán ra khi giá thấp, trong khi thị trường Indonesia đóng cửa.
- Đối với loại 5% tấm, gạo Việt Nam tăng nhẹ lên 355-360 USD/tấn, so với mức 350-352 USD/tấn, đồng thời gạo Thái Lan dao động từ 424-435 USD/tấn tăng so với mức 395- 420 USD/tấn và gạo Ấn Độ ở mức 360-365 USD/tấn, duy trì vững so với tuần trước. Giá gạo tại Thái Lan tăng do lo ngại hạn hán ảnh hưởng đến năng suất lúa tại nước này, trong khi sắp tới mùa lễ hội tại Ấn Độ và Việt Nam khiến giao dịch trở nên trầm lắng.

CUỘC ĐUA CỦA NHỮNG CHÚ ẾCH

Một ngày nọ, xảy ra một cuộc đua của những chú ếch. Mục tiêu cuộc đua là leo lên đến đỉnh của một toà tháp cao.

Có rất nhiều khán giả đến xem và cổ vũ cho cuộc đua. Cuộc đua bắt đầu.. quyết liệt và đầy phấn khởi.

Tuy nhiên, đối với đa số nhiều khán giả, việc một chú ếch leo được lên đỉnh ngọn tháp là điều không thể. Chính vì thế, thay vì cổ vũ cho các chú ếch, họ lại gào lên ..”Thôi đi, làm sao mà leo lên đến đỉnh tháp được?”... hoặc là “Các cậu không thể nào làm nổi việc đó..”

Một số chú ếch bắt đầu dừng lại, một số khác vẫn tiếp tục với tư tưởng bị lung lạc. Duy nhất chỉ có một chú ếch dường như không để ý đến những sự bàn tán mà vẫn miệt mài trèo lên. Cuộc đua tiếp tục và có phần chậm lại...mệt mỏi và phân tâm.

Những tiếng gào thét bên ngoài vẫn tiếp tục ...

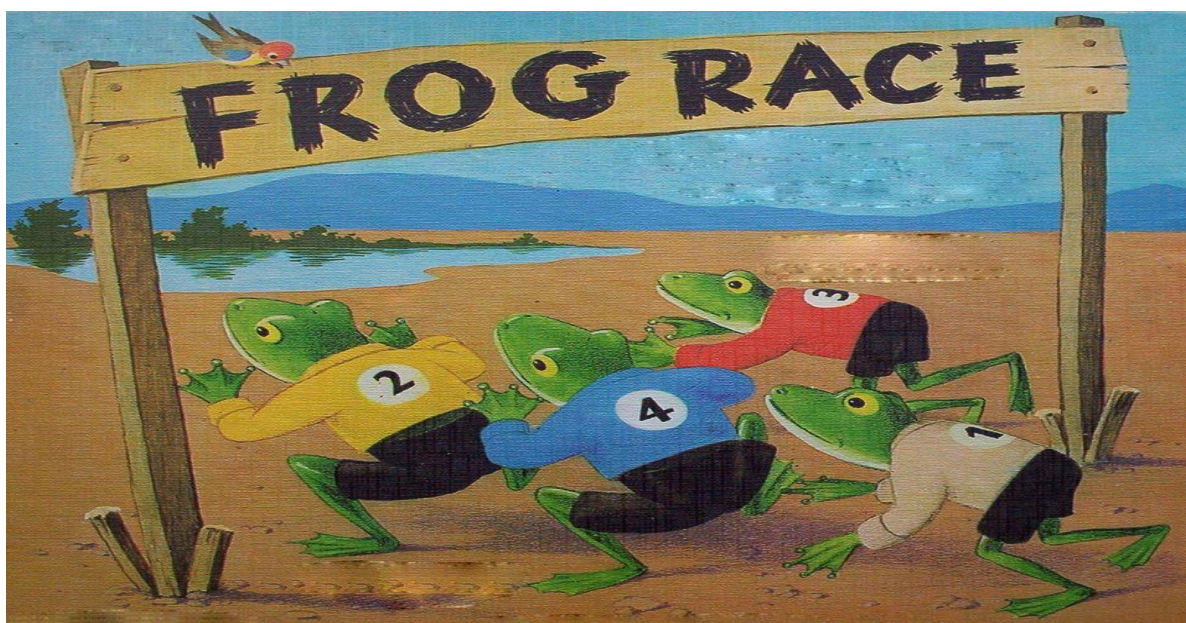
Và gần như tất cả các chú ếch dừng lại và chấp nhận thất bại...Duy chỉ có một chú vẫn tiếp tục miệt mài trèo lên..

Và cuối cùng chú cũng leo lên đến đỉnh ngọn tháp..

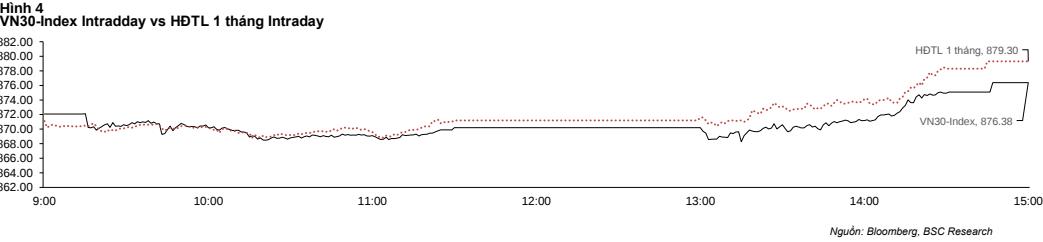
Tất cả mọi người sửng sốt và đều muốn biết nguồn động lực nào khiến chú ếch có thể làm được một điều gần như là không tưởng???

Một khán giả chạy đến hỏi và nhận ra rằng: chú ếch ... bị điếc.

Từ câu chuyện trên, ta có thể thấy, một khi bạn đã có mục tiêu tài chính và đang thực hiện kế hoạch đầu tư có được từ một công ty tư vấn có uy tín, thì bạn đừng quan tâm đến những sụt giảm ngắn hạn của thị trường. Bởi vì, với một kế hoạch đầu tư thì điều quan trọng nhất là mục tiêu mà bạn đề ra có đạt được vào cuối kỳ hay không. Vì vậy, hướng tới mục tiêu, tin tưởng vào công ty tư vấn của bạn thay vì ra những quyết định dựa trên cảm xúc và theo bầy đàn.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2001	879.30	0.94%	2.92	0.0%	72451	1/16/2020	20
VN30F2002	880.00	0.80%	3.62	59.5%	260	2/20/2020	55
VN30F2003	884.00	0.57%	7.62	185.7%	60	3/19/2020	83
VN30F2006	890.00	0.79%	13.62	156.8%	95	6/18/2020	174

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 4.31 điểm lên mức 876.38 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VNM, NVL, BID, và HDB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 điều chỉnh giảm trước khi tích lũy quanh 869 điểm. Sang phiên chiều, VN30 phục hồi tích cực lên trên 875 điểm. Tuy nhiên, thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy trong vùng 865-880 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động phục hồi trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 895 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG1908	MBS	1/22/2020	26	2:1	119,260	57.8%	2.0 triệu	24.88%	1,450	1,680	10.53%	1,564.00	1.07
CNVL1901	KIS	2/7/2020	42	4:1	109,350	80.3%	5.0 triệu	17.75%	1,900	910	9.64%	66.90	13.60
CHPG1909	KIS	5/15/2020	140	2:1	103,140	54.8%	5.0 triệu	24.88%	1,800	1,340	7.20%	580.10	2.31
CPNJ1902	MBS	1/22/2020	26	5:1	82,570	-46.8%	1.5 triệu	21.77%	2,220	1,860	6.29%	1,574.40	1.18
CVNM1905	MBS	4/28/2020	123	1:1	61,150	299.7%	1.5 triệu	18.29%	2,500	1,280	2.40%	251.60	5.09
CVNM1903	SSI	4/22/2020	117	1:1	74,150	567.4%	1.0 triệu	18.29%	26,600	15,020	2.18%	4,897.90	3.07
CTCB1902	VND	6/5/2020	161	1:1	89,310	44.7%	2.0 triệu	21.72%	5,300	4,060	1.50%	2,989.00	1.36
CVHM1902	SSI	4/22/2020	117	1:1	18,250	3.9%	1.0 triệu	21.97%	18,600	10,170	0.69%	4,559.80	2.23
CFPT1907	VND	1/9/2020	13	2:1	151,450	20.3%	2.0 triệu	20.92%	4,200	2,480	0.00%	2,350.70	1.06
CFPT1905	SSI	4/22/2020	117	1:1	19,730	-19.1%	1.0 triệu	20.92%	9,900	7,300	0.00%	4,689.00	1.56
CMBB1905	HSC	4/8/2020	103	2:1	64,470	-57.4%	5.0 triệu	17.72%	1,700	750	0.00%	107.70	6.96
CVJC1902	SSI	4/22/2020	117	1:1	8,600	-26.1%	1.0 triệu	13.73%	27,900	25,650	-1.50%	15,884.40	1.61
CMBB1903	SSI	4/22/2020	117	1:1	317,280	1190.3%	3.0 triệu	17.72%	4,000	1,850	-2.12%	522.10	3.54
CVIC1903	KIS	5/15/2020	140	10:1	76,000	2585.5%	4.0 triệu	15.84%	1,430	1,260	-2.33%	221.50	5.69
CVPB1901	VND	3/5/2020	69	1:1	41,710	-42.9%	2.0 triệu	18.29%	3,500	3,100	-3.43%	1,965.80	1.58
CVNM1906	VND	3/5/2020	69	1:1	18,670	-60.9%	1.0 triệu	18.29%	8,100	5,130	-4.11%	3,091.20	1.66
CVIC1902	SSI	4/22/2020	117	1:1	5,600	-34.9%	1.0 triệu	15.84%	22,700	14,350	-4.14%	4,993.10	2.87
CREE1902	SSI	1/22/2020	26	1:1	53,230	358.5%	1.0 triệu	22.29%	5,600	1,750	-6.91%	861.70	2.03
CMBB1904	SSI	1/22/2020	26	1:1	517,470	2612.1%	2.0 triệu	17.72%	2,900	800	-6.98%	82.30	9.72
CMBB1906	VND	1/9/2020	13	2:1	240,800	200.0%	3.0 triệu	17.72%	2,100	700	-7.89%	480.40	1.46
CDPM1901	KIS	1/9/2020	13	1:1	22,100	-76.6%	1.5 triệu	27.50%	1,900	280	-15.15%	49.40	5.67
Tổng:					1,355,090	26.00 triệu	19.56%**						
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất			CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%			Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
					**Trung bình độ lệch chuẩn			*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 27/12/2019, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.
- Về giá, CDPM1901 giảm mạnh nhất -15.15%. CHPG1908 tăng mạnh nhất 10.53%. Thanh khoản thị trường tăng 0.67%. CMBB1904 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.02% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CFPT1905 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG1908 và CVNM1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	23.55	2.39	1.25
VNM	118.20	1.03	0.83
BID	46.20	4.52	0.55
NVL	57.90	1.76	0.52
HDB	27.00	1.89	0.47

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
ROS	20.0	-6.99	-0.47
EIB	16.9	-1.17	-0.29
SAB	230.5	-1.24	-0.28
VIC	115.2	-0.17	-0.12
MSN	56.9	-0.18	-0.06

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG1908	23,400	20,500	23,550
CNVL1901	69,688	62,088	57,900
CHPG1909	49,360	24,680	23,550
CPNJ1902	90,100	79,000	86,500
CVNM1905	150,514	125,725	118,200
CVNM1903	145,354	118,980	118,200
CTCB1902	42,000	21,000	23,200
CVHM1902	103,600	85,000	84,500
CFPT1907	61,400	53,000	57,600
CFPT1905	64,900	55,000	57,600
CMBB1905	26,400	23,000	20,900
CVJC1902	157,900	130,000	143,600
CMBB1903	26,000	22,000	20,900
CVIC1903	246,000	123,000	115,200
CVPB1901	36,000	18,000	19,700
CVNM1906	230,000	115,000	118,200
CVIC1902	137,700	115,000	115,200
CREE1902	41,600	36,000	35,900
CMBB1904	24,900	22,000	20,900
CMBB1906	24,200	20,000	20,900
CDPM1901	15,888	13,988	13,200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	113.5	0.2%	0.7	2,185	2.4	8,321	13.6	4.5	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	86.5	1.1%	0.9	847	1.8	4,839	17.9	4.7	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	68.8	1.2%	1.3	2,221	0.4	1,889	36.4	3.1	31.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	30.9	0.0%	0.7	310	0.1	2,801	11.0	1.0	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.2	-0.2%	1.0	16,872	2.8	1,589	72.5	4.9	16.7%	7.8%
VRE	Bất động sản	33.4	0.3%	1.1	3,300	1.4	1,033	32.3	2.7	32.8%	8.8%
NVL	Bất động sản	57.9	1.8%	0.8	2,389	0.6	3,187	18.2	2.6	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	35.9	1.1%	1.0	484	0.8	5,614	6.4	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	14.6	0.7%	1.5	334	1.4	3,215	4.5	0.9	45.4%	25.9%
SSI	Chứng khoán	18.1	-0.8%	1.4	400	1.0	1,769	10.2	1.0	55.0%	9.4%
VCI	Chứng khoán	29.8	1.0%	1.0	213	0.0	5,067	5.9	1.3	37.1%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.4	2.9%	1.5	284	0.6	1,287	16.6	1.5	56.8%	10.2%
FPT	Công nghệ	57.6	0.3%	0.9	1,699	2.5	4,688	12.3	2.9	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	97.0	0.8%	1.6	8,072	0.6	5,886	16.5	4.1	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	56.4	0.9%	1.5	2,920	0.2	3,467	16.3	3.1	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.5	-1.1%	1.7	364	0.5	2,062	8.5	0.7	21.7%	8.5%
BSR	Dầu khí	8.2	1.2%	0.8	1,105	0.5	1,163	7.1	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	92.5	0.5%	0.5	526	0.0	4,535	20.4	3.8	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.2	-1.1%	0.8	225	0.2	650	20.3	0.7	18.9%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.7	-0.7%	0.6	153	0.0	625	10.6	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	90.5	1.2%	1.3	14,594	1.9	5,274	17.2	4.1	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	46.2	4.5%	1.6	8,079	2.2	2,109	21.9	2.8	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	20.7	0.2%	1.6	3,343	1.4	1,641	12.6	1.0	29.4%	8.5%
VPB	Ngân hàng	19.7	0.0%	1.2	2,088	1.5	3,341	5.9	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	20.9	0.2%	1.2	2,113	2.2	3,261	6.4	1.2	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	22.7	0.4%	1.1	1,635	0.9	3,585	6.3	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	46.2	-1.7%	0.8	164	0.1	5,073	9.1	1.5	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	32.4	0.0%	0.3	138	0.0	4,603	7.0	1.2	20.6%	17.8%
MSR	Tài nguyên	16.0	-1.2%	1.3	688	0.2	732	21.9	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.6	2.4%	1.0	2,827	4.2	2,526	9.3	1.4	37.9%	17.4%
HSG	Thép	7.9	-0.5%	1.6	145	1.2	890	8.8	0.6	17.7%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	118.2	1.0%	0.7	8,949	1.9	5,527	21.4	7.6	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	230.5	-1.2%	0.8	6,427	0.4	7,365	31.3	8.3	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	56.9	-0.2%	1.3	2,892	1.6	4,512	12.6	2.0	38.9%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.5	0.0%	0.6	472	0.9	440	42.1	1.5	6.2%	3.5%
ACV	Vận tải	77.4	0.5%	0.8	7,326	0.1	2,630	29.4	5.5	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	143.6	-0.1%	1.1	3,271	2.2	9,850	14.6	5.5	19.5%	43.3%
HVN	Vận tải	33.9	0.0%	1.7	2,090	0.4	1,747	19.4	2.7	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	23.5	0.0%	0.8	303	0.2	1,949	12.1	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	16.8	0.6%	0.6	205	0.2	2,571	6.5	1.1	31.8%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	79.0	-0.5%	1.0	550	0.3	8,338	9.5	4.0	2.2%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.0	-0.6%	0.7	351	0.0	1,398	12.9	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.8	0.3%	0.8	246	0.1	1,912	7.7	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	53.9	-2.4%	0.7	179	0.2	9,842	5.5	0.5	47.8%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.0	0.4%	1.1	519	0.2	1,557	17.3	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	22.0	-1.3%	0.4	237	0.1	1,845	11.9	1.0	51.0%	8.8%
POW	Điện	11.8	-4.1%	0.6	1,196	2.0	820	14.3	1.1	13.8%	7.8%
NT2	Điện	21.7	0.0%	0.6	272	0.1	2,721	8.0	1.5	18.7%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	46.20	4.52	2.35	1.10MLN
VCB	90.50	1.23	1.19	498870.00
VNM	118.20	1.03	0.61	383460.00
GAS	97.00	0.83	0.45	150260.00
HPG	23.55	2.39	0.44	4.18MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	230.50	-1.24	-0.54	36340.00
POW	11.75	-4.08	-0.34	3.95MLN
ROS	19.95	-6.99	-0.25	883180.00
VIC	115.20	-0.17	-0.20	564070.00
LGC	39.50	-6.62	-0.16	10.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAB	16.20	6.93	0.00	265940.00
CTI	21.80	6.86	0.03	365870.00
DXV	3.45	6.81	0.00	180.00
PGD	56.60	6.79	0.09	10.00
PIT	3.31	6.77	0.00	1070.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ROS	19.95	-6.99	-0.25	883180.00
CLG	2.93	-6.98	0.00	77840.00
LMH	9.86	-6.98	-0.01	314910.00
VRC	19.35	-6.97	-0.02	210.00
FIT	9.77	-6.95	-0.05	627360.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.40	4.92	0.34	3.48MLN
ACB	22.70	0.44	0.16	905800.00
VHL	28.00	7.69	0.02	600.00
CTB	33.00	6.45	0.02	1800.00
PHP	9.90	5.32	0.02	700.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

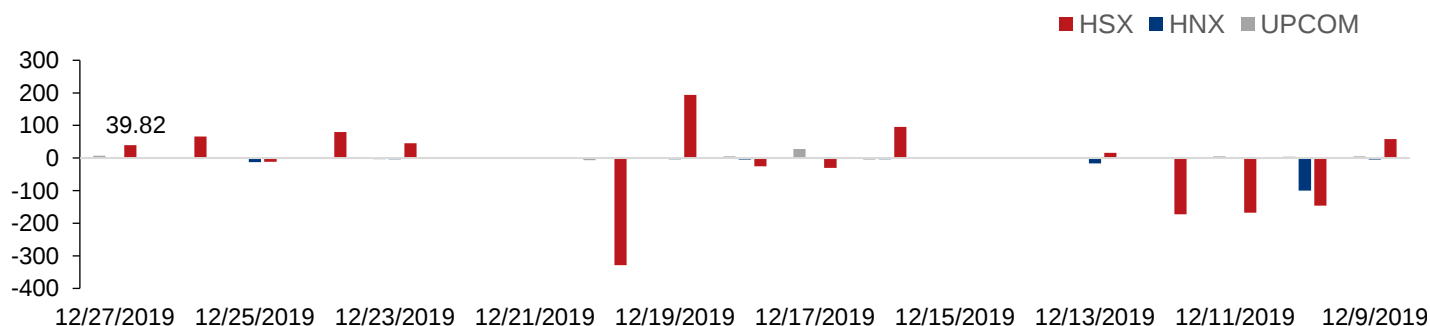
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MBG	25.20	-9.68	-0.05	614600.00
PVS	17.50	-1.13	-0.05	683500.00
NVB	9.40	-1.05	-0.04	1.67MLN
L14	70.00	-2.37	-0.02	40500.00
PVX	1.10	-8.33	-0.02	1.02MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	25.0	0.00	61800.00
DST	1.00	11.1	0.00	54100.00
SGH	47.50	10.0	0.01	1000.00
SCL	4.50	9.8	0.00	100.00
MCF	10.50	9.4	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.20	-33.33	0.00	74100.00
ACM	0.40	-20.00	-0.01	508100.00
HKB	0.50	-16.67	-0.01	110600.00
CAN	24.30	-10.00	-0.01	100.00
NSH	1.80	-10.00	0.00	12600.00



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
13	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
14	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
19	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	15.1	18.9	15.0	0.05	14.1	0.5	Click
2	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.2	171.4	113.5	8,321	13.6	4.5	Click
3	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	22.8	27.8	22.7	3,585	6.3	1.5	Click
4	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	13.9	15.9	12.9	2,692	4.8	0.8	Click
5	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	23.2	2,660	8.7	1.4	Click
6	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	125.1	162.5	114.0	6,216	18.3	6.9	Click
7	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	90.5	5,274	17.2	4.1	Click
8	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	30.7	9,530	3.2	1.6	Click
9	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	57.6	4,688	12.3	2.9	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	23.1	3,491	6.6	1.1	Click
11	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	17.6	2,246	7.8	0.8	Click
12	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	37.0	3,678	10.1	0.7	Click
13	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	56.9	4,512	12.6	2.0	Click
14	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	118.2	5,527	21.4	7.6	Click
15	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	21.1	2,887	7.3	1.5	Click
16	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	35.9	5,614	6.4	1.1	Click
17	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	77.4	14,958	5.2	1.5	Click
18	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.4	2,279	3.7	0.5	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	22.7	3,585	6.3	1.5	Click
20	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.8	1,079	12.7	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gổ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/11/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu) Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giả định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chân ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Giá tại Publish 11400 Năm 2020, dự kiến DT đạt 560 – 600 tỷ (+50% YoY). Dù ngành đang (1) đơn hàng ít (2) chi phí cao nhưng TDT vẫn đạt KH cao dựa trên (1) lượng NM mới thấp (2) Khách hàng đang tốt (3) Chi phí đầu tư nhà máy thấp (4) Hưởng ưu đãi về thuế. Hiện tại đang vận hành 10 dây chuyền, với 500 công nhân, chủ yếu là CMT (Thời gian xây lắp là 6 tháng). Hiện đang hoàn thiện thêm kho, khu giặt và khu xưởng 2, nhà ở cho khách. Năm 2020, vận hành tổng cộng 18 dây chuyền (+8 chuyền) với 50 công nhân/chuyên (chuyên lớn). Tổng cộng lao động của TDT là 2,500 công nhân. Capacity tăng 50% YoY do (1) các dây chuyền mới chạy full year (2) Nhân viên quen tay nên NS tăng Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quỹ khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 gộp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express TDT 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 11400 Năm 2020, dự kiến DT đạt 560 – 600 tỷ (+50% YoY). Dù ngành đang (1) đơn hàng ít (2) chi phí cao nhưng TDT vẫn đạt KH cao dựa trên (1) lượng NM mới thấp (2) Khách hàng đang tốt (3) Chi phí đầu tư nhà máy thấp (4) Hưởng ưu đãi về thuế. Hiện tại đang vận hành 10 dây chuyền, với 500 công nhân, chủ yếu là CMT (Thời gian xây lắp là 6 tháng). Hiện đang hoàn thiện thêm kho, khu giặt và khu xưởng 2, nhà ở cho khách. Năm 2020, vận hành tổng cộng 18 dây chuyền (+8 chuyền) với 50 công nhân/chuyên (chuyên lớn). Tổng cộng lao động của TDT là 2,500 công nhân. Capacity tăng 50% YoY do (1) các dây chuyền mới chạy full year (2) Nhân viên quen tay nên NS tăng Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quỹ khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 gộp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express DHG 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quỹ khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 gộp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express FPT 2019Q4	14/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 73500; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đa hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm sẽ đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa có nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ-, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn